

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15-01-2026

V/v: Ly hôn giữa anh S và chị D

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hà

Ông Vũ Văn Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 190/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2025/QĐST - HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Ngô Bá S, sinh ngày 05/02/1997; Số CCCD: 036097007954 cấp ngày 14/4/2021; Nơi thường trú: Thôn H, xã T, tỉnh Ninh Bình. “xin vắng mặt”

Bị đơn: Chị Khuong Thi D, sinh ngày 10/01/1997; Số CCCD: 036197000807 cấp ngày 22/6/2020; Nơi thường trú: Thôn H, xã T, tỉnh Ninh Bình. “vắng mặt”

Người làm chứng: ông Khuong Văn Đ, sinh năm 1964, địa chỉ: xóm E, xã N, tỉnh Ninh Bình; (bố đẻ chị D, vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Ngô Bá S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị [Khương Thị D](#), sinh năm 1997 có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11-6-2021 tại [Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định \(nay là xã T, tỉnh Ninh Bình\)](#), trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi ký kết hôn vợ chồng chung sống với nhau bình thường đến tháng 7 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh [S](#) xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị [Khương Thị D](#).

Về con chung: anh [S](#) xác nhận vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh [S](#) xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ cho bị đơn chị [Khương Thị D](#) các tài liệu gồm: Thông báo thụ lý vụ án số 190/TB-TLVA ngày 12 tháng 11 năm 2025; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác. Chị [D](#) đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng quá trình giải quyết vụ án, chị [D](#) không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh [S](#).

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ông [Khương Văn Đ](#), bố đẻ chị [Khương Thị D](#), trình bày: Anh [S](#) và chị [D](#) có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11-6-2021 tại [Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định \(nay là xã T, tỉnh Ninh Bình\)](#). Quá trình chung sống đến khoảng giữa năm 2024 thì giữa chị [D](#) và anh [S](#) phát sinh mâu thuẫn. Gia đình cũng đã khuyên bảo, tuy nhiên tình cảm do anh [S](#) và chị [D](#) tự quyết định. Từ khoảng tháng 7-8/2024, chị [D](#) đi làm ăn tại Quảng Ninh nhưng hàng ngày chị [D](#) vẫn thường xuyên liên lạc gọi điện thoại về cho gia đình bố mẹ. Chị [D](#) có nói sơ qua việc ly hôn với anh [S](#), chị có nhờ ông [Đ](#) nhận thay giấy tờ khi Tòa án giao. Chị [D](#) và anh [S](#) chưa có con chung. Nay anh [S](#) làm đơn xin ly hôn do chị [D](#) đi làm ăn xa tại Quảng Ninh nên ông sẽ nhận thay chị [Khương Thị D](#) các văn bản, tài liệu mà Tòa án tổng đạt cho chị [D](#). Ông hứa nhận trách nhiệm sẽ nhận thay chị [D](#) các văn bản của Tòa án giao cho chị [D](#), ông sẽ thông báo ngay và giao tận tay cho chị [D](#) biết.

Qua xác minh, thu thập chứng cứ về nguyên nhân mâu thuẫn của anh [S](#) và chị [D](#) tại nơi cư trú, đại diện [Ủy ban nhân dân xã T](#) cung cấp như sau: Chị [Khương Thị D](#), sinh năm 1997 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại [xóm I, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định \(nay là thôn H, xã T, tỉnh Ninh Bình\)](#). Chị [Khương Thị D](#) và anh [Ngô](#)

Bá S có đăng ký kết hôn vào ngày 11-6-2021 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (nay là xã T, tỉnh Ninh Bình). Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị D như thế nào, nguyên nhân từ đâu địa phương không nắm rõ do các đương sự không thông qua hòa giải tại cơ sở. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Vì lý do công việc bận nên anh S có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Ngô Bá S và chị Khương Thi D.

Về con chung: vợ chồng không có con chung.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: anh Ngô Bá S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, anh Ngô Bá S có đơn xin giải quyết vắng mặt, chị Khương Thi D là bị đơn được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị D vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng

xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh S và chị D là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa anh Ngô Bá S và chị Khương Thị D là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (nay là xã T, tỉnh Ninh Bình) đăng ký kết hôn vào ngày 11-6-2021. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hòa thuận hạnh phúc do tính cách không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm và không có tiếng nói chung nên hay xảy ra va chạm. Vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị Khương Thị D.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh S đối với chị D và qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị D là có thật, việc mâu thuẫn xuất phát từ việc do tính cách không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm nên vợ chồng sống không hạnh phúc. Từ tháng 7/2024 vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm với nhau. Trong thời gian sống ly thân, cả anh S và chị D không còn liên lạc gì với nhau. Hai bên không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Anh S đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và cho anh được ly hôn với chị D. Quá trình giải quyết vụ án, chị D đã được tổng đạt và biết việc anh S xin ly hôn nhưng chị D không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản ý kiến của mình cho Tòa án, chứng tỏ bản thân chị D cũng không còn nguyện vọng mong muốn tiếp tục chung sống với anh S. Mặt khác, bố đẻ chị D cũng xác nhận giữa chị D và anh S có phát sinh mâu thuẫn và hiện nay đã sống ly thân. Do đó, từ những phân tích trên, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh S đối với chị D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Anh S xác định vợ chồng không có con chung, hiện chị D không thai nghén gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Anh S xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh S phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh [Ngô Bá S](#) và chị [Khương Thi D](#).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: anh [Ngô Bá S](#) phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0002837 ngày 12/11/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Bình. Anh [S](#) đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 9 + tỉnh;
- Thi HADS tỉnh Ninh Bình;
- Đương sự;
- UBND xã Trục Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn P **Nguyễn Văn H**